

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02/8/2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia
đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Đức
- Bà Chu Thị Hồng Nhật

- **Thư ký phiên toà:** Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa:** Ông Bùi Quốc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2024/TB-TLVA ngày 21 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 22/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị L, sinh năm 1968;
- Bị đơn: Ông Dương Thành K, sinh năm 1957;

Đều cư trú tại: Thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (Bà L, ông K đều có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12/6/2024, cũng như tại bản tự khai, nguyên đơn bà Hà Thị L trình bày: Bà và ông Dương Thành Ký tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (nay là xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình) và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1985. Do thời gian đã lâu, nhiều lần chuyển nơi ở nên bà đã làm mất giấy đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc

được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do sau khi bà sinh cháu thứ hai là con gái, ông K có tư tưởng trọng nam khinh nữ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mỗi khi uống rượu ông K lại đánh bà. Nhiều năm qua, vì các con bà đã cố gắng chịu đựng. Đến nay, các con bà đều đã trưởng thành, bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông K không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, do đó, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Dương Thành K. Việc ly hôn bà đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện. Về con chung: Bà và ông Dương Thành K có 02 con chung là Dương Thị T, sinh ngày 21/8/1987, Dương Thị O, sinh ngày 13/10/1989. Hiện nay, cả hai con chung của bà và ông K đều đã trưởng thành, tự lập về kinh tế, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, do đó, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con. Về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*Bị đơn ông Dương Thành K trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như bà L đã trình bày là đúng. Ông khẳng định, ông và bà L có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nhưng hiện tại, giấy đăng ký kết hôn của ông và bà L đã thất lạc. Trong quá trình chung sống, giữa ông và bà L thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà L không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, do đó, bà L xin ly hôn ông, ông cũng đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Việc ly hôn ông đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện. Về con chung: Ông nhất trí với ý kiến trình bày của bà L về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con do hai cháu Dương Thị T, Dương Thị O đều đã trưởng thành. Về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà L và ông K. Về quan hệ con chung: Bà L và ông K có hai con chung Dương Thị T, sinh ngày 21/8/1987, Dương Thị O, sinh ngày 13/10/1989 hai con chung của bà L và ông K đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết. Về quan hệ tài sản: Không phải giải quyết. Về án phí: Bà Hà Thị L tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

- **Về thủ tục tố tụng:** Bà Hà Thị L, ông Dương Thành K đều có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo trình tự vắng mặt các đương sự.- **Về nội dung:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị L và ông Dương Thành K đều khai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T vào năm 1985, do vợ chồng ông bà làm mất đăng ký kết hôn nên không xuất trình được cho Tòa án. Tại biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ chính quyền địa phương cung cấp: Theo bà L và ông K cung cấp tại Tòa án, ông bà có đăng ký kết hôn năm 1985 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ (nay là xã Đ, thành phố T), tuy nhiên, do hiện nay địa phương không còn lưu trữ Sổ đăng ký kết hôn giai đoạn từ năm 1984 đến năm 1986 nên địa phương không cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn cho bà L, ông K. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà L và ông K là hôn nhân thực tế và hợp pháp là hoàn toàn khách quan phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống giữa bà Hà Thị L và ông Dương Thành K không có sự thông cảm và chia sẻ với nhau. Các bên đều bất đồng về suy nghĩ cũng như lối sống, hành động đều trái ngược nhau, do đó hai bên không quan tâm, không có trách nhiệm và nghĩa vụ với nhau. Nay bà L và ông K đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà L và ông K thuận tình ly hôn nên căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà L và ông K.

[2]. Về quan hệ con chung: Bà L và ông K có hai con chung Dương Thị T, sinh ngày 21/8/1987, Dương Thị O, sinh ngày 13/10/1989 hai con chung của bà L và ông K đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

[3]. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Bà L và ông K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà L tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Hà Thị L và ông Dương Thành K.

2. Về quan hệ con chung: Bà L và ông K có hai con chung Dương Thị T, sinh ngày 21/8/1987, Dương Thị O, sinh ngày 13/10/1989 hai con chung của bà L và ông K đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Bà Hà Thị L, ông Dương Thành K đều không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hà Thị L tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0001306 ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Chuyển số tiền bà L đã nộp tạm ứng 300.000 đồng sang tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Hà Thị L, ông Dương Thành K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: UBND xã Đông Hòa, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh